THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2115/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành tiêu chí huyện nghèo áp dụng cho giai đoạn 2017 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội khóa 13 về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội khóa 13 về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo (nay là 64 huyện nghèo);

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về Định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chí huyện nghèo áp dụng cho giai đoạn 2017 - 2020 như sau:

1. Hệ thống tiêu chí

a) Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020;

b) Tiêu chí về thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn huyện;

c) Tiêu chí về tỷ lệ số xã thuộc diện đặc biệt khó khăn trong tổng số xã của huyện;

d) Tiêu chí khu vực: huyện khu vực miền núi, vùng cao hay khu vực khác;

đ) Tiêu chí tỷ lệ số hộ dân tộc thiểu số trong tổng số hộ dân cư của huyện.

2. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá cho mỗi tiêu chí và thang điểm đánh giá cho mỗi chỉ tiêu thuộc các tiêu chí nêu tại khoản 1 Điều này được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại huyện nghèo

1. Nguyên tắc đánh giá huyện nghèo

a) Bảo đảm tính công khai, minh bạch và thống nhất về hệ thống tiêu chí đánh giá xét bổ sung huyện nghèo và xét công nhận huyện thoát nghèo;

b) Việc xét bổ sung huyện nghèo theo thứ tự ưu tiên trên cơ sở đánh giá, xét công nhận số lượng huyện thoát nghèo để phù hợp với khả năng cân đối ngân sách; tiếp tục duy trì kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương để thực hiện các chính sách hỗ trợ đặc thù theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo (Nghị quyết 30a) đối với các huyện được xét công nhận thoát nghèo đến hết năm 2020;

c) Trường hợp ngân sách trung ương bố trí tăng thêm cho Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 ngoài tổng vốn đã được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội khóa 13 về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, sẽ xem xét bổ sung huyện nghèo theo thứ tự ưu tiên.

2. Nguyên tắc xếp loại huyện nghèo

a) Huyện đạt đủ tiêu chí xét công nhận huyện thoát nghèo là huyện đang được hỗ trợ các cơ chế, chính sách theo quy định tại Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP là huyện qua đánh giá theo các tiêu chí nêu tại khoản 1 Điều 1 có tổng số điểm đạt dưới 40 điểm trên tổng số 100 điểm;

b) Huyện đạt đủ tiêu chí xét bổ sung vào danh sách các huyện nghèo được hỗ trợ các cơ chế, chính sách theo quy định tại Nghị quyết 30a là huyện qua đánh giá theo các tiêu chí nêu tại khoản 1 Điều 1 có tổng số điểm lấy theo thứ tự ưu tiên từ 100 điểm trở xuống, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức rà soát, đánh giá các huyện nghèo, các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao trên địa bàn theo tiêu chí quy định tại Điều 1 Quyết định này; tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung đối với huyện đạt đủ các tiêu chí xét duyệt bổ sung và công nhận thoát nghèo đối với huyện đạt đủ các tiêu chí công nhận huyện thoát nghèo theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Chỉ đạo, tổ chức thực hiện rà soát, đánh giá các huyện nghèo, các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao trên địa bàn theo các tiêu chí quy định tại Điều 1 Quyết định này và báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội làm cơ sở đánh giá xét duyệt bổ sung huyện nghèo và công nhận huyện thoát nghèo.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH HỆ THỐNG CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ VÀ MỨC ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CHO CÁC CHỈ TIÊU THUỘC CÁC TIÊU CHÍ XÉT BỔ SUNG HUYỆN NGHÈO VÀ XÉT CÔNG NHẬN HUYỆN THOÁT NGHÈO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2115/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá				
I	**Thang điểm nhóm I**	**10 điểm**	**20 điểm**	**30 điểm**	**40 điểm**	**50 điểm**
1	Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo dưới 50% **HOẶC** Tỷ lệ hộ nghèo dưới 40%	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo từ 50% đến 55% **HOẶC** Tỷ lệ hộ nghèo từ 40% đến 45%	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo từ 55% đến 60% **HOẶC** Tỷ lệ hộ nghèo từ 45% đến 50%	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo từ 60% đến 65% **HOẶC** Tỷ lệ hộ nghèo từ 50% đến 55%	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo từ 65% trở lên **HOẶC** Tỷ lệ hộ nghèo từ 55% trở lên
II	**Thang điểm nhóm II**	**5 điểm**		**10 điểm**		**15 điểm**
2	Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn huyện	Trên 20.000.000 đồng/người/năm		Từ 15.000.000 đến 20.000.000 đồng/người/năm		Dưới 15.000.000 đồng/người/năm

STT	Tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá		
II	**Thang điểm nhóm II**	**5 điểm**	**10 điểm**	**15 điểm**
3	Tỷ lệ số xã thuộc diện đặc biệt khó khăn trong tổng số xã trên địa bàn huyện	Dưới 60% số xã trong huyện thuộc diện đặc biệt khó khăn	Từ 60% đến 80% số xã trong huyện thuộc diện đặc biệt khó khăn	Trên 80% số xã trong huyện thuộc diện đặc biệt khó khăn
III	**Thang điểm nhóm III**	**2 điểm**	**6 điểm**	**10 điểm**
4	Huyện thuộc khu vực miền núi, vùng cao	Huyện khác	Huyện miền núi	Huyện vùng cao
5	Tỷ lệ số hộ dân tộc thiểu số trong tổng số hộ dân cư	Dưới 60%	Từ 60% đến 80%	Trên 80%

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng